



**BỘ TÀI CHÍNH
CỤC HẢI QUAN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **1739** /QĐ-CHQ

Hà Nội, ngày **28** tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai điều chỉnh số liệu và thuyết minh quyết toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 của Cục Hải quan

CỤC TRƯỞNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 382/QĐ-BTC ngày 26/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Hải quan;

Căn cứ Quyết định số 1892/QĐ-BTC ngày 30/05/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung các Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 2019/QĐ-BTC ngày 11/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 382/QĐ-BTC ngày 26/02/2025 của Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Hải quan;

Căn cứ Quyết định số 1431/QĐ-CHQ ngày 15/9/2025 của Cục trưởng Cục Hải quan về việc uỷ quyền ký quyết định giao, điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi ngân sách nhà nước, công khai dự toán thu, chi ngân sách nhà nước, công khai quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước;

Căn cứ Công văn số 15594/BTC-KHTC ngày 02/10/2026 của Bộ Tài chính về việc điều chỉnh số liệu quyết toán ngân sách nhà nước năm 2025 của Cục Hải quan;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Tài vụ - Quản trị.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai điều chỉnh số liệu và thuyết minh quyết toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 của Cục Hải quan theo Phụ lục I, Phụ lục II đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng ban Tài vụ - Quản trị, Thủ trưởng các đơn vị dự toán tổ chức thực hiện Quyết định này. / *Thư*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Tài chính (Cục KHTC đề b/c);
- Đ/c Cục trưởng (đề b/c);
- Đ/c Lưu Mạnh Tường – PCT (đề b/c);
- Văn phòng (để đăng tải trên Cổng TTĐT);
- Lưu: VT, TVQT. *lu*

**TUQ. CỤC TRƯỞNG
TRƯỞNG BAN TÀI VỤ - QUẢN TRỊ**



Trịnh Văn Nhuận

Đơn vị: Cục Hải quan
Chương: 018



Phụ lục I

ĐIỀU CHỈNH QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số **1739** /QĐ-CHQ ngày **28** /10/2026 của Cục trưởng Cục Hải quan)

(DV tính: Đồng)

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc											
					Chi cục Hải quan khu vực I	Chi cục Hải quan khu vực II	Chi cục Hải quan khu vực III	Chi cục Hải quan khu vực IV	Chi cục Hải quan khu vực V	Chi cục Hải quan khu vực VI	Chi cục Hải quan khu vực VII	Chi cục Hải quan khu vực VIII	Chi cục Hải quan khu vực IX	Chi cục Hải quan khu vực X	Chi cục Hải quan khu vực XI	Chi cục Hải quan khu vực XII
1	2	3	4	5=4-3	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước															
1	Nguồn ngân sách trong nước	5.538.016.349.717	5.538.016.349.717	0	326.954.048.621	1.226.888.622.935	371.434.741.262	63.882.816.531	84.218.186.919	218.110.484.827	148.543.450.772	199.129.601.435	198.054.373.667	60.523.405.310	190.494.694.458	242.688.753.152
1	Chi quản lý hành chính	5.517.226.497.081	5.517.226.497.081	0	326.791.191.621	1.225.078.122.935	370.377.131.262	63.801.317.531	83.835.186.919	217.793.417.827	148.374.950.772	198.759.001.435	197.641.873.667	60.460.476.310	190.242.450.458	242.255.488.152
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	3.106.351.666.483	3.106.351.666.483	0	228.050.391.619	653.676.985.929	228.865.149.794	44.404.558.842	65.554.637.853	139.369.680.330	97.934.125.080	154.047.342.947	127.055.848.071	43.616.419.173	110.905.139.951	139.646.398.983
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	2.410.874.830.598	2.410.874.830.598	0	98.740.800.002	571.401.137.006	141.511.981.468	19.396.758.689	18.280.549.066	78.423.737.497	50.440.825.692	44.711.658.488	70.586.025.596	16.844.057.137	79.337.310.507	102.609.089.169
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	5.243.420.000	5.243.420.000	0												
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	5.243.420.000	5.243.420.000	0												
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ	5.243.420.000	5.243.420.000	0												
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	15.546.432.636	15.546.432.636		162.857.000	1.810.500.000	1.057.610.000	81.499.000	383.000.000	317.067.000	168.500.000	370.600.000	412.500.000	62.929.000	252.244.000	433.265.000
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	15.546.432.636	15.546.432.636		162.857.000	1.810.500.000	1.057.610.000	81.499.000	383.000.000	317.067.000	168.500.000	370.600.000	412.500.000	62.929.000	252.244.000	433.265.000

[Signature]

(DV tính: Đồng)

Số TT	Nội dung	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc															
		Chi cục Hải quan khu vực XIII	Chi cục Hải quan khu vực XIV	Chi cục Hải quan khu vực XV	Chi cục Hải quan khu vực XVI	Chi cục Hải quan khu vực XVII	Chi cục Hải quan khu vực XVIII	Chi cục Hải quan khu vực XIX	Chi cục Hải quan khu vực XX	Chi cục Điều tra chống buôn lậu	Ban Công nghệ thông tin và thống kê Hải quan	Chi cục Kiểm định Hải quan	Chi cục Kiểm tra sau thông quan	Văn phòng Cục Hải quan	Cơ quan Cục Hải quan	Cục Hải quan cấp 2	Ban TFP
1	2	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước																
1	Nguồn ngân sách trong nước	138.097.327.100	110.811.301.782	0	60.186.467.702	102.991.254.926	124.439.136.494	126.353.117.325	241.807.549.974	327.759.039.887	170.161.375.408	85.538.275.542	70.003.956.968	372.316.527.159	276.627.839.561	0	0
1	Chi quản lý hành chính	137.795.047.100	110.588.136.782	0	60.037.467.702	102.805.632.926	124.236.436.498	126.271.642.325	241.315.368.974	323.160.795.707	169.254.925.410	85.341.171.542	69.757.682.968	364.623.740.697	276.627.839.561	0	0
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	67.778.773.463	62.453.504.941	0	39.869.727.478	57.946.609.151	95.720.327.051	60.492.935.918	109.999.622.542	142.507.054.957	29.325.542.024	36.165.355.394	50.286.883.521	221.771.710.251	98.906.941.220	0	0
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	70.016.273.637	48.134.631.841	0	20.167.740.224	44.859.023.775	28.516.109.447	65.778.706.407	131.315.746.432	180.653.740.750	139.929.383.386	49.175.816.148	19.470.799.447	142.852.030.446	177.720.898.341	0	0
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số													5.243.420.000			
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ													5.243.420.000			
	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ													5.243.420.000			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	302.280.000	223.165.000	0	149.000.000	185.622.000	202.699.996	81.475.000	492.181.000	4.598.244.180	906.449.998	197.104.000	246.274.000	2.449.366.462	0	0	0
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	302.280.000	223.165.000	0	149.000.000	185.622.000	202.699.996	81.475.000	492.181.000	4.598.244.180	906.449.998	197.104.000	246.274.000	2.449.366.462	0	0	0

Phụ lục II

**THUYẾT MINH SỐ LIỆU ĐIỀU CHỈNH QUYẾT TOÁN CHI NSNN
NĂM 2025 CỦA CỤC HẢI QUAN**

(Kèm theo Quyết định số **1739**/QĐ-CHQ ngày **28**/10/2026 của Cục trưởng Cục Hải quan)

Quyết toán chi ngân sách trong nước:

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 207.845.905.427 đồng.
- Dự toán được giao trong năm: 6.086.527.639.000 đồng.
- Tổng số được sử dụng trong năm: 6.294.373.544.427 đồng.
- Kinh phí thực nhận trong năm: 5.603.773.447.412 đồng.
- Kinh phí quyết toán: 5.538.016.349.717 đồng.
- Kinh phí giảm trong năm: 668.796.943.912 đồng.
- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 87.560.250.798 đồng.

[Signature]